

ÔN TẬP VỀ THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA TẾ BÀO

Câu 1: Bốn nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống là:

- A. C, H, O, P
- B. C, H, O, N
- C. O, P, C, N
- D. H, O, N, P

Câu 2: Phần lớn các nguyên tố đa lượng cấu tạo nên

- A. Lipit, enzym
- B. Prôtêin, vitamin
- C. Đại phân tử hữu cơ
- D. Glucôzơ, tinh bột, vitamin

Câu 3: Các nguyên tố vi lượng có vai trò quan trọng đối với cơ thể vì

- A. Chiếm khối lượng nhỏ
- B. Giúp tăng cường hệ miễn dịch cho cơ thể
- C. Cơ thể sinh vật không thể tự tổng hợp các chất ấy
- D. Là thành phần cấu trúc bắt buộc của nhiều hệ enzym

Câu 4: Điều gì xảy ra khi đưa tế bào sống vào ngăn đá trong tủ lạnh?

- A. Nước bốc hơi lạnh làm tăng tốc độ phản ứng sinh hóa tế bào bên tế bào sinh sản nhanh
- B. Nước bốc hơi lạnh làm tế bào chết do mất nước
- C. Nước đóng băng làm giảm thể tích nên tế bào chết
- D. Nước đóng băng làm tăng thể tích và các tinh thể nước phá vỡ tế bào

Câu 5: Trong tế bào có 4 loại phân tử hữu cơ chính là:

- A. Cacbohiđrat, Lipit và Glucôzơ
- B. Cacbohiđrat, Lipit, Prôtêin và Axit amin
- C. Cacbohiđrat, Lipit, Prôtêin và Axitnuclêic
- D. Cacbohiđrat, Glucôzơ, Prôtêin và Axitnuclêic

Câu 6: Đơn phân của prôtêin là

- A. Glucôzơ
- B. Axit amin
- C. Nuclêôtit
- D. Axit béo

Câu 7: Trong phân tử prôtêin, các axit amin đã liên kết với nhau bằng liên kết

- A. Peptit
- B. ion
- C. Hydro
- D. Cộng hóa trị

Câu 8: Tính đa dạng của phân tử protein được quy định bởi?

- A. Số lượng, thành phần, trình tự các axit amin trong phân tử protein
- B. Nhóm amin của các axit amin trong phân tử protein
- C. Số lượng liên kết peptit trong phân tử protein
- D. Số chuỗi pôlipeptit trong phân tử protein

Câu 9: Cho các hiện tượng sau:

- (1) Lòng trắng trứng đông lại sau khi luộc
- (2) Thịt cua vón cục và nổi lên từng mảng khi đun nước lọc cua
- (3) Sợi tóc duỗi thẳng khi được ép mỏng
- (4) Sữa tươi để lâu ngày bị vón cục

Có bao nhiêu hiện tượng thể hiện sự biến tính của protein?

- A. 3
- B. 1
- C. 4
- D. 2

Câu 10: Chức năng không có ở prôtêin là

- A. Cấu trúc
- B. Xúc tác quá trình trao đổi chất
- C. Điều hòa quá trình trao đổi chất
- D. Truyền đạt thông tin di truyền

Câu 11: Loại protein tham gia xúc tác các phản ứng sinh hóa được gọi là:

- A. Kháng thể
- B. Hoocmon
- C. Thụ thể
- D. Enzim

Câu 12: Nếu ăn quá nhiều protein (chất đạm), cơ thể có thể mắc bệnh gì sau đây?

- A. Bệnh gút
- B. Mất ngủ
- C. Thiếu máu
- D. Cao huyết áp

Câu 13: Axit nucleic bao gồm những chất nào sau đây?

- A. ADN và ARN
- B. ARN và Prôtêin
- C. Prôtêin và AND
- D. AND và lipit

Câu 14: Đơn phân của ADN là

- A. Nuclêôtit
- B. Axit amin
- C. Bazơ nitơ
- D. Axit béo

Câu 15: Các loại đơn phân của ADN là:

- A. Ribonucleotit (A, T, G, X)
- B. Nucleotit (A, T, G, X)
- C. Ribonucleotit (A, U, G, X)
- D. Nucleotit (A, U, G, X)

Câu 16: Hai chuỗi pôlinuclêôtit của ADN liên kết với nhau bởi liên kết

- A. Hiđrô
- B. Peptit
- C. ion
- D. Cộng hóa trị

Câu 17: Chức năng của ADN là

- A. Cấu tạo nên riboxôm là nơi tổng hợp protein
- B. Truyền thông tin tới riboxôm
- C. Vận chuyển axit amin tới ribôxôm
- D. Lưu trữ, truyền đạt thông tin di truyền

Câu 18: Loại bazơ nitơ nào sau đây chỉ có trong ARN mà không có trong ADN?

- A. Adênin
- B. Uraxin
- C. Guanin
- D. Xitôzin

Câu 19: Số loại ARN trong tế bào là:

- A. 2 loại
- B. 3 loại
- C. 4 loại
- D. 5 loại

Câu 20: Kí hiệu của các loại ARN thông tin, ARN vận chuyển, ARN ribôxôm lần lượt là:

- A. tARN, rARN và mARN
- B. mARN, tARN và rARN
- C. rARN, tARN và mARN
- D. mARN, rARN và tARN